

CỤC THỦY SẢN  
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH  
NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 386 /QĐ-TTKN-CNKN

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**  
**V/v cấp Giấy chứng nhận lô sản phẩm nhập khẩu**  
**phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia**

**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH NUÔI TRỒNG THỦY SẢN**

*Căn cứ Quyết định số 215/QĐ-TS-VP ngày 01/7/2024 của Cục trưởng Cục Thủy sản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định nuôi trồng thủy sản;*

*Căn cứ văn bản số 1078/TĐC-HCHQ ngày 29/3/2024 của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và văn bản số 356/GCN-BKHCHN ngày 06/9/2024 của Bộ Khoa học và Công nghệ về chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận của Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định nuôi trồng thủy sản;*

*Xét Báo cáo đánh giá ngày 14/01/2025 và kết quả thẩm xét hồ sơ chứng nhận;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Chứng nhận và Quản lý kiểm nghiệm.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm nhập khẩu phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 02-31-2:2019/BNNTNT cho sản phẩm Bột đậu nành enzym (Concentrated feed ZQ663 for aquatic products); QCVN 01-190:2020/BNNTNT; Sửa đổi 1:2021 QCVN 01-190:2020/BNNTNT cho sản phẩm Gluten lúa mì (Vital Wheat Gluten) của Công ty TNHH Khoa kỹ Sinh vật Thăng Long Hải Dương, địa chỉ tại: Lô B3-2.1, khu công nghiệp Cộng Hòa, phường Cộng Hòa, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, Việt Nam. Giấy chứng nhận và Phụ lục kết quả thử nghiệm kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực từ ngày ký. Giấy chứng nhận chỉ có giá trị đối với lô hàng nêu tại Quyết định này. Trong thời gian hiệu lực của chứng nhận, Công ty TNHH Khoa kỹ Sinh vật Thăng Long Hải Dương được phép sử dụng Giấy chứng nhận, dấu hợp quy (CR) theo hướng dẫn tại Website của Trung tâm.

**Điều 3.** Trưởng phòng Chứng nhận và Quản lý kiểm nghiệm; Trưởng phòng Quản lý dịch vụ và Khách hàng; Công ty TNHH Khoa kỹ Sinh vật Thăng Long Hải Dương; tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Sở NN&PTNT tỉnh Hải Dương;
- Giám đốc (b/c);
- Văn phòng Trung tâm (BBT Website);
- Lưu: VT, CNKN.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Lê Văn Yến**

**PHỤ LỤC**  
**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM SẢN PHẨM CHỨNG NHẬN HỢP QUY**  
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTKN-CNKN ngày tháng năm 2025  
của Giám đốc Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định nuôi trồng thủy sản)

| STT | Tên sản phẩm/<br>Nhóm sản phẩm                                                                                                                    | Mã hồ sơ             | Phòng thử nghiệm                                                         | Kết quả thử nghiệm      |                  |         |                   |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|--------------------------------------------------------------------------|-------------------------|------------------|---------|-------------------|
|     |                                                                                                                                                   |                      |                                                                          | Tên chỉ tiêu            | ĐVT              | Kết quả | Phương pháp thử   |
| 1   | Bột đậu nành enzym<br>(Concentrated feed ZQ663 for aquatic products)<br>(HQ.25.00367)/<br>(Hoạt chất sinh học và sản phẩm chiết xuất từ thực vật) | BNNPT NT2924 0031803 | Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định nuôi trồng thủy sản Vùng I | Asen (As) vô cơ         | mg/kg (LOQ=0,9)  | KPH     | EN 16278:2012     |
|     |                                                                                                                                                   |                      |                                                                          | Chì (Pb)                | mg/kg (LOQ=0,6)  | <0,6    | TCVN 9588:2013    |
|     |                                                                                                                                                   |                      |                                                                          | Thủy ngân (Hg)          | mg/kg (LOQ=0,05) | KPH     | EN 16277:2012     |
|     |                                                                                                                                                   |                      |                                                                          | <i>Escherichia coli</i> | CFU/g            | <10     | TCVN 7924-2:2008  |
|     |                                                                                                                                                   |                      |                                                                          | <i>Salmonella</i> spp.  | /25g             | KPH     | TCVN 10780-1:2017 |
| 2   | Gluten lúa mì (Vital Wheat Gluten)<br>(HQ.25.00368)/<br>(Nhóm khoáng chất)                                                                        | BNNPT NT2925 0031872 |                                                                          | Aflatoxin B1            | µg/kg (LOQ=1,0)  | KPH     | TCVN 9126:2011    |

Ghi chú: KPH – Không phát hiện

